TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2022/DS-ST
Ngày: 05/01/2022.
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Đình Tiến;

2. Bà Lê Thị Tự.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Bà Phạm Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Anh Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 822/2020/DSST ngày 29/12/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6017/2021/QĐXXST-DS ngày 15/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6513/2021/QĐST-DS ngày 14/12/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng S.
Địa chỉ: 266-268 N, Phường V (Phường 8 cũ), Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Bích Thanh T, sinh năm 1980 (Theo Giấy ủy quyền số 641/2020/UQ-TTT ngày 18/5/2020).
Địa chỉ: 266-268 N, Phường V (Phường 8 cũ), Quận B, Tp. Hồ Chí Minh (*Yêu cầu xét xử vắng mặt*).

- *Bị đơn*: Ông Đoàn Tường H, sinh năm 1974 (*Vắng mặt*).
Địa chỉ: 219E P, Phường N, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/5/2020, các bản khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 13/12/2021, bà Nguyễn Bích Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 17/8/2010 tại Phòng giao dịch P, bị đơn ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng loại thẻ tín dụng quốc tế (S Visa). Nguyên đơn đã

căn cứ mức thu nhập và mục đích sử dụng do bị đơn cung cấp, đồng ý cấp cho bị đơn số thẻ tín dụng: 4720 xx00 0026 0xx8 với hạn mức tín dụng là 8.000.000 đồng/tháng, tiền lãi và các khoản phí liên quan đến thẻ phát sinh trên tài khoản theo mức lãi suất, mức phí được Ngân hàng áp dụng trong từng thời kỳ theo điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng (đơn vị phát hành thẻ) có hiệu lực từ ngày 01/06/2010.

Sau khi được cấp và kích hoạt sử dụng thẻ tín dụng, bắt đầu từ ngày 15/9/2010 bị đơn đã thực hiện giao dịch số tiền là 7.447.000 đồng, thanh toán 04 đợt vào các ngày 15/10/2010, 15/11/2010, 15/02/2011, 15/4/2011 được tổng số tiền là 2.226.000 đồng.

Đến ngày 15/6/2011, tổng dư nợ thẻ tín dụng của bị đơn là 7.756.837 đồng, bao gồm nợ gốc, phí trễ hạn, lãi, phí vượt hạn mức,… Bị đơn ngừng giao dịch và không thanh toán tiếp nợ gốc, lãi và các khoản phí sử dụng thẻ tín dụng theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng nhiều lần gửi thông nhắc nhở nhưng bị đơn không có thiện chí trả nợ.

Ngày 15/7/2011, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển toàn bộ dư nợ của bị đơn còn thiếu là 7.756.837 đồng sang nợ quá hạn và tính lãi theo mức lãi suất quá hạn là 150% x 2.15%/tháng = 3.225%/tháng (Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán ngay một lần tiền nợ gốc và tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 05/01/2022 là 38.423.844 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc là 7.756.837 đồng, nợ lãi quá hạn là 30.667.007 đồng; yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi phát sinh sau ngày Tòa án xét xử cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng.

Bị đơn là ông Đoàn Tường H, trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay đã được Tòa án tống đạt triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng mà hai bên đã xác lập và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, việc nguyên đơn khởi kiện đòi bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 05/01/2022 tổng số tiền là 38.423.844 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó, căn cứ Điều 91, 95, 96 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ phát sinh từ quan hệ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng xác lập giữa tổ chức tín dụng và cá nhân nên được xác định là loại tranh chấp về hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ kết quả xác minh ngày 14/01/2021 của Công an Phường N, Quận M thể hiện: Ông Đoàn Tường H, sinh ngày 22/12/1974 có hộ khẩu thường trú tại 219E P, Phường N, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh từ tháng 02/2013. Ngày 18/11/2013 cắt khẩu chuyển về số 3 đường Trưng Nhị, phường Quang Trung, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Công văn số 1503/CV-CATP(QLHC) ngày 28/9/2020 của Công an thành phố H, tỉnh Hưng Yên xác nhận: Từ trước đến nay (tháng 9/2020), tại địa chỉ số 03 đường T, phường Q, thành phố H, tỉnh H không có công dân Đoàn Tường H, sinh năm 1974 đăng ký thường trú hoặc tạm trú.

Căn cứ Công văn số 05/CĐGTVTVI ngày 11/01/2021 của Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương VI cho biết: Ông Đoàn Tường H trước đó có giảng dạy tại Trường, nhưng đến năm 2011 ông H tự ý bỏ việc không giảng dạy nên Trường ra Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 01/6/2011.

Xét, qua kết quả xác minh về nơi cư trú và làm việc của bị đơn nêu trên, có cơ sở xác định bị đơn đã thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho Nguyên đơn biết được coi là cố tình giấu địa chỉ. Kể từ sau thời điểm bị đơn cắt khẩu nhưng không thực hiện việc đăng ký hộ khẩu tại nơi chuyển đến, không rõ bị đơn hiện ở đâu nên địa chỉ nơi đăng ký thường trú tại 219E P, Phường N, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh được xem là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Quá trình chuẩn bị xét xử cho đến khi mở phiên tòa, Bị đơn đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà hôm nay được xem là từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, đồng thời xét xử vắng mặt theo yêu cầu của người đại diện nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp Hợp đồng tín dụng gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/8/2010; Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 01/6/2010; Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế; Bảng tóm tắt sao kê chi tiết giao dịch, thanh toán, lãi, phí của chủ thẻ Đoàn Tường Huy, chứng minh nhân dân: 025224140, số thẻ: 4720 7400 0026 0838, hạn mức tín dụng 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*) phát sinh đến ngày 05/01/2022 và các tài liệu chứng minh về nhân thân của bị đơn, có cơ sở xác định bị đơn đề nghị sử dụng thẻ tín dụng quốc tế được nguyên đơn chấp thuận ngày 26/8/2010. Bị đơn được cấp thẻ tín dụng quốc tế với hạn mức 8.000.000 đồng/tháng, lãi suất áp dụng 2,15%/tháng, lãi quá hạn 150% mức lãi trong hạn là 3,225%/tháng và các khoản phí theo quy định của Ngân hàng áp dụng trong từng thời kỳ.

Bị đơn bắt đầu sử dụng thẻ tín dụng giao dịch từ ngày 15/9/2010 số tiền là 7.447.000 đồng. Sau đó, đến các kỳ thanh toán ngày 15/10/2010, ngày 15/11/2010, ngày 15/02/2011, ngày 15/4/2011 bị đơn chỉ thanh toán được tổng số tiền là 2.226.000 đồng và ngưng không thanh toán tiếp. Đến ngày 15/7/2011, nguyên đơn chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của bị đơn, chuyển dư nợ bao gồm nợ gốc, tiền lãi và các khoản phí phát sinh như phí: vượt hạn mức, trễ hạn, thường niên, tin nhắn… tổng số tiền là 7.756.837 đồng.

Như vậy, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được xác lập và thoả thuận trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, không trái quy định pháp luật nên được công nhận. Bị đơn đã sử dụng thẻ tín dụng thực hiện giao dịch nhưng không thanh toán nợ gốc, tiền lãi và các khoản phí phát sinh trên tài khoản thẻ tín dụng đúng thoả thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Việc nguyên đơn chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của bị đơn, chuyển dư nợ quá hạn đến ngày 15/7/2011 số tiền 7.756.837 đồng và áp dụng mức lãi suất để tính tiền lãi quá hạn đối với số tiền dư nợ theo thoả thuận tại Điều 2, Điều 22, Điều 23 và Điều 24 của Hợp đồng tín dụng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc, tiền lãi tính đến ngày 05/01/2022 với tổng số tiền 38.423.844 đồng, trong đó nợ gốc 7.756.837 đồng, tiền lãi quá hạn là 30.667.007 đồng là có cơ sở.

Xét, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nêu trên phù hợp với những đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử.

Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán tổng số tiền là 38.423.844 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ sau ngày Toà án xét xử cho đến khi bị đơn thanh toán dứt nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán; hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Nguyên đơn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 280, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010; có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011;

- Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông báo số 15/TB-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc đính chính Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

- Căn cứ khoản 3 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S:

Buộc ông Đoàn Tường H phải thanh toán cho Ngân hàng S số tiền nợ gốc 7.756.837 đồng, nợ lãi 30.667.007 đồng, tổng số tiền là 38.423.844 đồng (*Ba mươi tám triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi bốn đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tiền lãi tiếp tục phát sinh trên nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng kể từ ngày 06/01/2022 cho đến khi ông Đoàn Tường H thanh toán hết nợ.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đoàn Tường H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.921.192 đồng (*Một triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn một trăm chín mươi hai đồng*).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 831.000 đồng (*Tám trăm ba mươi mốt nghìn đồng*) theo Biên lai thu số AA/2017/0042885 ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng S, ông Đoàn Tường H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./ .

Nơi nhận:
- VKSND Q 1;
- VKSND TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- Chi cục THADS Q1;
- Đương sự;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Hoàng Thị Ánh